



Trưởng lão HT.Thích Minh Châu: Nhà giáo dục - văn hóa tư tưởng lớn của Việt Nam thế kỷ XX

ISSN: 2734-9195

08:25 22/03/2026

Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục Phật giáo với phương châm “Duy Tuệ Thị Nghiệp” theo tinh thần triết lý nhân bản, dân chủ và khai phóng.

Trưởng lão **Hòa thượng Thích Minh Châu** (1918-2012) là một bậc cao tăng thạch đức có nhiều đóng góp cho Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Nhân kỷ niệm ngày húy kỵ lần thứ 12 của Ngài, bài viết này sẽ trình bày về dòng dõi gia thế; quá trình tu học và hoằng dương Phật pháp; xây dựng và điều hành Viện Đại học Vạn Hạnh; sáng lập và phát triển Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Học viện Phật giáo Việt Nam; giới thiệu những trước tác của Ngài cùng những dịch thuật kinh tạng Pali sang Việt văn, để từ đó khẳng định Ngài xứng đáng được tôn vinh là bậc tùng lâm thạch trụ của Phật giáo Việt Nam, là nhà giáo dục - văn hóa tư tưởng lớn của Việt Nam thế kỷ XX.

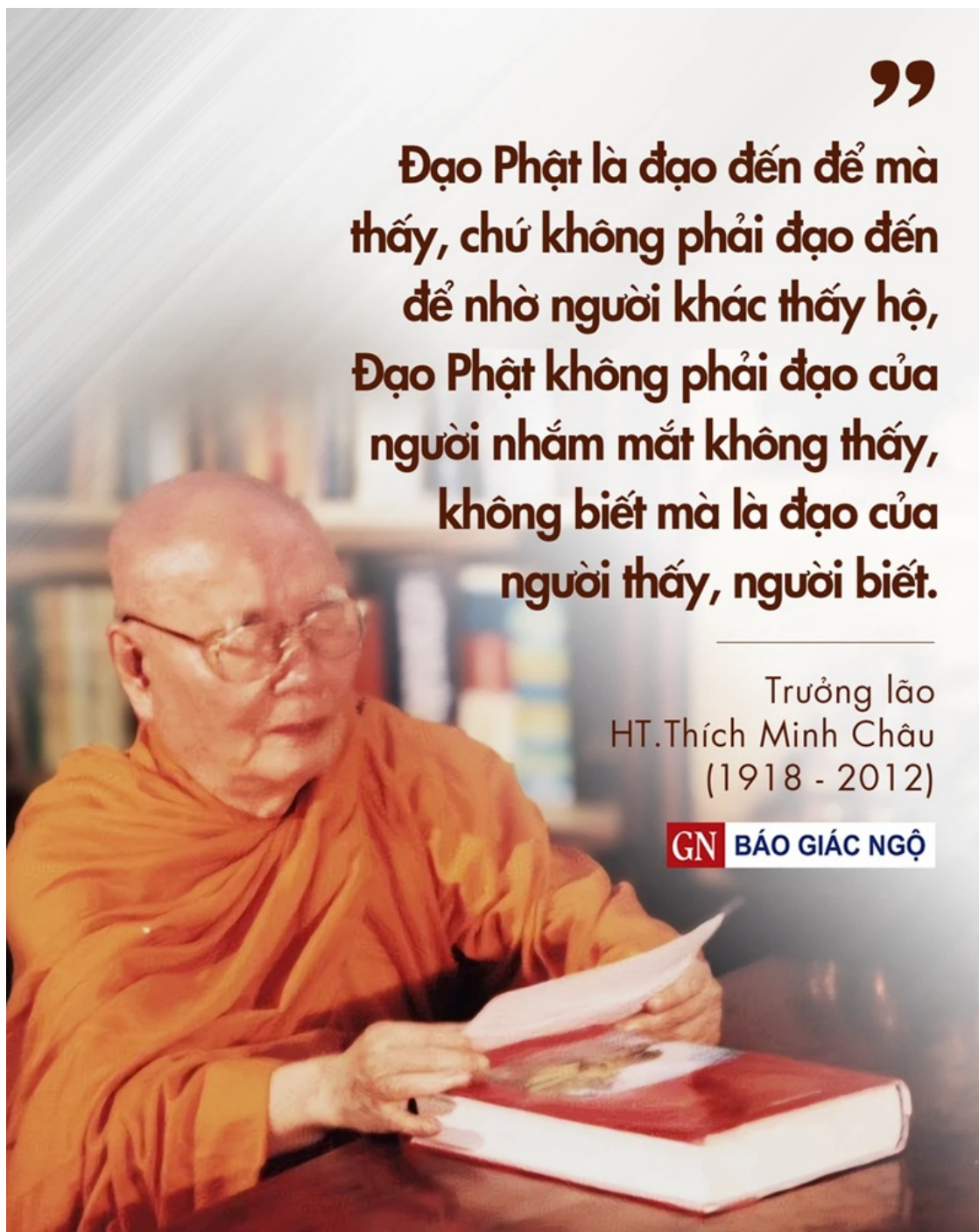
1. Dòng dõi và gia thế

Hòa thượng Giáo sư Tiến sĩ Thích Minh Châu có thế danh là Đinh Văn Nam (1918-2012), sinh năm 1918 tại Quảng Nam, tịch năm 2012 tại TP.HCM, nguyên quán ở Nghi Lộc, Nghệ An. Dòng họ Đinh Văn ở xã Kim Khê, tổng Kim Nguyên, huyện Chân Lộc, phủ Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay là xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) là một danh gia vọng tộc, khoa bảng, có truyền thống yêu nước thương dân. Cao tăng tổ, Tăng tổ, Nội tổ, thân phụ và bản thân Hòa thượng đều đỗ Tiến sĩ. Trong lịch sử giáo dục khoa cử ở nước ta, trải qua gần ngàn năm, hiếm có một gia tộc nào mà có 5 đến đời liên tục được nhận học vị Tiến sĩ, tức ngũ thế đăng khoa như gia tộc Đinh Văn này ở Nghi Lộc.



Cao Tăng tổ (ông sò) là Khê Đình hầu Đình Hồng Phiên, Tiến sĩ khoa Ất Dậu (1787), được giữ chức Toàn tu Quốc Sử quán cuối triều Lê trung hưng (đời Lê

4. Sáng lập, lãnh đạo và phát triển Học viện Phật giáo Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam



(Ảnh: Internet)

Sau khi Phật giáo hai miền tổ chức Đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo, do nhu cầu đào tạo tăng tài, cuối năm 1981 Ngài đề nghị Giáo hội thành lập Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở 1 đặt tại chùa Quán Sứ Hà Nội. Đến năm 1984, Trường Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở 2 được Nhà nước cho phép thành lập đặt tại Thiền viện Vạn Hạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Giai đoạn đầu, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã mời Ngài làm Hiệu trưởng cả hai trường. Chương trình học theo niên chế. Đến năm 1997 nhằm làm đầu mối giao lưu với

5. Những đóng góp cho giáo dục Phật giáo Việt Nam

Như trên có giới thiệu, trước 1975, Ngài điều hành Viện Đại học Vạn Hạnh thì sau 1981, bên cạnh thành lập Trường Cao cấp Phật học tại Hà Nội (1981), Thành phố Hồ Chí Minh (1984), Huế để đào tạo tăng ni sinh, thì Ngài còn sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (1989), Phân viện Nghiên cứu Phật học tại Hà Nội (1990), Nội san Nghiên cứu Phật học (1990) rồi Tạp chí Nghiên cứu Phật học (1996) để nghiên cứu Phật pháp và phiên dịch kinh điển, đây cũng một biểu hiện của giáo dục Phật giáo.

Với giáo dục Phật giáo, trước sau như một, Ngài áp dụng triết lý nhân bản, dân chủ và khai phóng, với phương châm “Duy Tuệ Thị Nghiệp” (Trí tuệ là sự nghiệp). Chủ trương giáo dục chính mình và tha nhân bằng hình mẫu cuộc đời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni - nhà đại giáo dục của nhân loại.

Đúng với phương châm “Duy Tuệ Thị Nghiệp”, mọi hoạt động của cơ sở giáo dục Phật giáo đều nhằm mục tiêu cốt yếu là để phát triển trí tuệ. Giáo dục Phật giáo Việt Nam đã xuất phát từ phương pháp giáo dục Từ bi, Trí tuệ và nhân bản của Đức Phật, thừa kế một cách tinh tế và phát triển thuần túy những tinh hoa phương pháp giáo dục Giới - Định - Tuệ. Điển hình tại phân khoa Phật học, sinh viên sẽ được nhận thức rõ trí tuệ là kết quả đạt được của đời sống đạo đức, giữ giới luật, nội tâm được chuyển hóa thành tự định, là cơ sở cho tuệ phát sinh. Trí tuệ là kim chỉ nam nhập thế của người xuất gia.

Về triết lý giáo dục ở miền Nam Việt Nam, năm 1958, Bộ trưởng Giáo dục Trần Hữu Thế cho tổ chức Đại hội Giáo dục Quốc gia lần thứ nhất tại Sài Gòn. Nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ trí thức, học giả đã tham dự đại hội. Bộ Giáo dục đã mời đại diện quân đội, chính quyền, các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học tham dự. Đại hội đã nhất trí thông qua ba nguyên tắc căn bản làm nền tảng cho triết lý giáo dục Việt Nam cộng hòa, được ghi cụ thể trong tài liệu *Những nguyên tắc căn bản* do Bộ Quốc gia Giáo dục ấn hành năm 1959, đó là: Nhân bản, Dân tộc, Khai phóng, rồi sau đó được ghi trong Hiến pháp Việt Nam cộng hòa năm 1967. Theo tài liệu *Chính sách văn hóa giáo dục* của Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam cộng hòa xuất bản năm 1972, có thể hiểu ba nguyên tắc này như sau:

(1) *Nhân bản*: chủ trương con người có địa vị quan trọng trong thế giới; lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời làm căn bản; xem con người như một động lực của sự phát triển chứ không phải như một phương tiện hay công cụ phục vụ. Đề cao những giá trị thiêng liêng của con người. Chủ

trường sự phát triển quân bình và toàn diện của mỗi người và mọi người. Triết lý nhân bản chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân, nhưng không sử dụng sự khác biệt đó để đánh giá con người, không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc... Với triết lý nhân bản, mọi người có giá trị như nhau và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục.

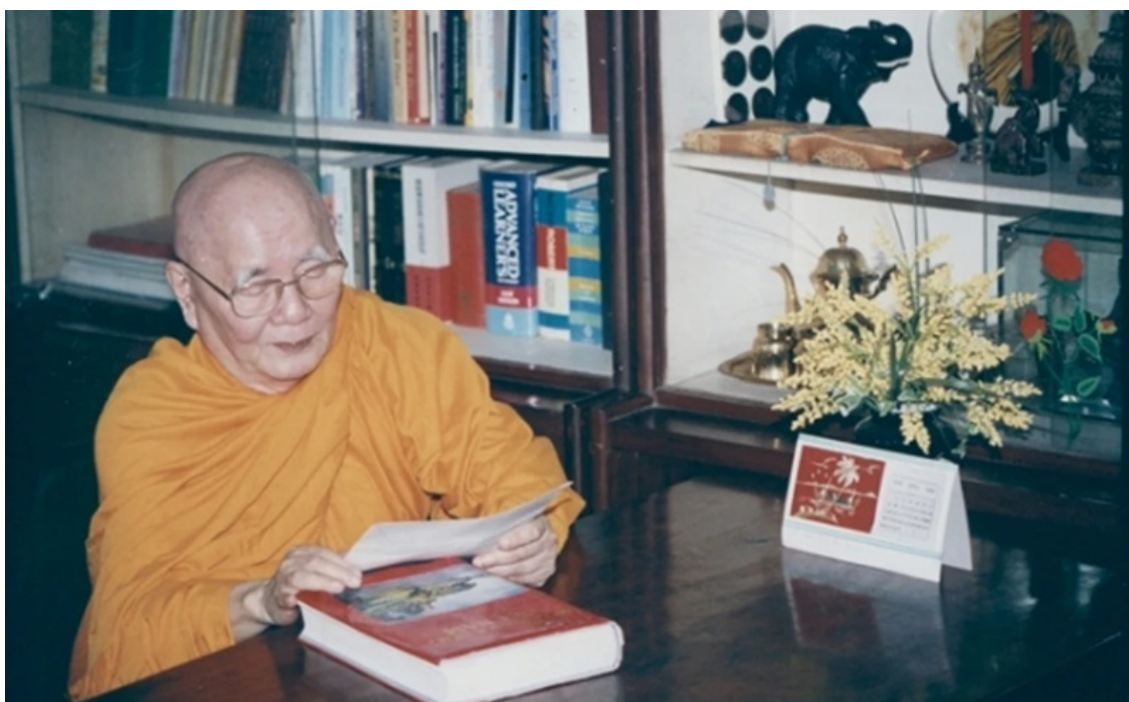
(2) *Dân tộc*: tôn trọng giá trị đặc thù, các truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong mọi sinh hoạt liên hệ tới gia đình, nghề nghiệp và quốc gia. Giáo dục phải biểu hiện, bảo tồn và phát huy được những tinh hoa hay những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc để không bị mất đi hay tan biến trong những nền văn hóa khác. Giáo dục còn nhằm bảo đảm sự đoàn kết và trường tồn của dân tộc, sự phát triển điều hòa và toàn diện của quốc gia.

(3) *Khai phóng*: Tinh thần dân tộc không nhất thiết phải bảo thủ, không nhất thiết phải đóng cửa. Ngược lại, giáo dục phải không ngừng hướng tới sự tiến bộ, tôn trọng tinh thần khoa học, mở rộng tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới, tiếp nhận tinh thần dân chủ, phát triển xã hội, tinh hoa văn hóa nhân loại để góp phần vào việc hiện đại hóa quốc gia và xã hội, làm cho xã hội tiến bộ tiếp cận với văn minh thế giới, góp phần phát triển sự cảm thông và hợp tác quốc tế, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của nhân loại[4].

Cũng như triết lý giáo dục ở miền Nam Việt Nam trước 1975, giáo dục Phật giáo Việt Nam với triết lý giáo dục nhân bản, dân chủ và khai phóng. Triết lý giáo dục nhân bản với chủ trương lấy con người làm căn bản, đối tượng và mục tiêu để hoàn thành sự nghiệp giáo dục. Thừa kế tinh thần và triết lý nhân bản của Đức Phật, giáo dục Phật giáo đề cập và khẳng định con người có địa vị quan trọng trong thế gian này; lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời này làm căn bản; xem con người như một cứu cánh chứ không phải như một phương tiện hay công cụ phục vụ cho mục tiêu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào khác. Triết lý này chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân, nhưng không chấp nhận việc sử dụng sự khác biệt đó để đánh giá con người, và không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc. Mọi người đều bình đẳng về giá trị và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục. Điều này giải thích vì sao giáo dục Phật giáo đã tích cực tham gia vào việc định hướng và phát triển giáo dục của đất nước, bảo tồn và phát triển tính độc lập trong giáo dục, góp phần định hướng và phát triển tính truyền thống nhân văn, nhân bản của dân tộc. Đó chính là mục tiêu của Viện Đại học Vạn Hạnh, được thể hiện rõ trong các phân khoa đào tạo các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn,... góp phần

phát triển tinh thần dân chủ, tinh thần khoa học trong học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Quan điểm giáo dục của Ngài được thể hiện qua những công trình như: *Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật*; *Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi*; *Đức Phật - nhà đại giáo dục* (2004); *Đức Phật của chúng ta* (2005); *Tâm Từ mở ra, khổ đau khép lại* (2006); *Những gì Đức Phật đã dạy* (2007); *Chiến thắng ác ma* (2009); Đặc biệt ba bài viết được in trong phần phụ lục của sách *Trước sự nô lệ của con người* (1969): *Đại học Vạn Hạnh một trung tâm Giáo dục ở Sài Gòn*, *Sự thất bại của giáo dục hiện tại*, *Một cơ sở giáo dục Phật giáo Việt Nam đối mặt với thế giới hiện tại* đã thể hiện rõ quan điểm giáo dục của Ngài.



(Ảnh: Internet)

Trước 1975, vừa điều hành Đại học Vạn Hạnh, vừa trực tiếp giảng dạy tại đây và thỉnh giảng ở các đại học khác, Ngài đã từng quan niệm rằng người làm công tác giáo dục là “những người gieo hạt”. Tôi rất ấn tượng và nhớ như in giọng nói cùng động tác của Ngài. Đang ngồi giảng bài thì Ngài đứng lên và nói “Chúng ta là những người gieo hạt. Chỉ cần một nửa số hạt được gieo nảy mầm là chúng ta đã thành công rồi”. Ngài vừa nói vừa vung tay ra y như động tác của người nông dân đang gieo hạt. Rất thú vị.

Quan điểm, tư tưởng giáo dục của Ngài được trình bày rõ trong tiểu luận “*Sự thất bại của giáo dục hiện tại*” (1969) với một tầm nhìn khai phóng, rộng mở dù đã phát biểu cách đây 55 năm nhưng hôm nay vẫn còn nguyên giá trị của nó. Qua năm năm quản lý và điều hành Viện, Ngài đã rút ra ‘sự thất bại’ này và chỉ ra nguyên nhân của nó là do quản trị đại học, là do giải thích sai lầm về bản

chất giáo dục (l'essence de la paideia). Theo Ngài, “Viện Đại học Vạn Hạnh đã được thành lập và trưởng thành giữa những hoàn cảnh khó khăn, dù là Viện Đại học nghèo nhất Việt Nam”. Ở đây, Ngài “không tô đậm ý nghĩa của sức mạnh tinh thần, nhấn mạnh ý nghĩa của đời sống tâm linh, đánh thức lòng tự tin của tuổi trẻ và vẫn luôn luôn cố gắng giữ vững tinh thần bất lay chuyển trước những biến động cuồn cuộn của thời thế”. Giữa những khủng hoảng tràn lan khắp mọi bình diện hiện nay, Ngài “vẫn đặt niềm tin vào sự lớn mạnh của trái tim con người”. Tin rằng “cái không thể làm được vẫn có thể làm được”. Theo Ngài, “ý nghĩa của giáo dục trong ý nghĩa đầu tiên của nền văn minh phương Tây phải chăng chỉ là tin rằng con người có thể được đưa ra khỏi bóng tối của hang sâu để nhìn thấy được ánh sáng thật sự ở bên ngoài”, tức “quay hướng con người từ chỗ che dấu ra chỗ mở bày: chỗ mở bày hé lộ ra ấy được gọi là chân lý”. “Ý nghĩa của giáo dục là biến đổi, thăng chuyển con người bị nô lệ trong hang tối trở thành con người tự do và con người chỉ thực sự là con người là khi con người tự do. Nhân tính chỉ được thực hiện đồng lúc với Tự do và Tự do chỉ thực hiện đồng lúc với Chân lý. Do đó chúng ta phải nhận thức ngay rằng bản chất của giáo dục được đặt căn bản trong bản chất của chân lý”. Trên cơ sở đó, Ngài đã nêu lên ba mục tiêu chính yếu mà Đại học Vạn Hạnh cần duy trì là “(1) Tinh thần đại học, (2) Giá trị đại học, (3) không khí đại học” mà theo Ngài, ba mục tiêu ấy chỉ là một, đó là tinh thần đại học, vì giá trị đại học và không khí đại học là hậu quả của tinh thần đại học. Mà sứ mệnh gần nhất và thiết thực nhất của đại học hiện tại là “làm sống dậy lòng tin của tuổi trẻ, tin tưởng ở khả năng của chính mình, tin tưởng ở bậc đàn anh của mình, tin tưởng ở tương lai tốt đẹp của dân tộc, tin tưởng ở giá trị thiêng liêng của giáo dục và của con người”[5]. Có thể thấy bài tiểu luận trên đã thể hiện tâm huyết của Ngài về giáo dục, đã **truyền ngọn lửa niềm tin cho thế hệ trẻ**, mà tuổi trẻ là tương lai của dân tộc, là mùa xuân của nhân loại.

6. Trước tác và dịch thuật kinh tạng Pali

Trước tác:

- Sách viết bằng tiếng Anh: (1) *Hsuan T'sang, The Pilgrim and Scholar* (Huyền Trang - nhà chiêm bái và học giả, NS.Trí Hải dịch sang tiếng Việt); (2) *Fa-Hsien, The Unassuming Pilgrim* (Pháp Hiển - nhà chiêm bái khiêm tốn, NS.Trí Hải dịch sang tiếng Việt); (3) *Milindapannha And Ngasenabhikhustra - A comparative study* (Cư sĩ Nguyên Tâm Trần Phương Lan dịch sang tiếng Việt); (4) *The Chinese Madhyama gama and The Pali Majjhima Nikaya (A comparative study)* - Luận án Tiến sĩ Phật học (NS.Trí Hải dịch sang tiếng Việt); (5) *Some Teachings of Lord Buddha on Peace, Harmony and Humadignity*.

- Sách viết bằng tiếng Việt: (1) *Phật pháp* (đồng tác giả); (2) *Đường về xứ Phật* (đồng tác giả); (3) *Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật*; (4) *Trước sự nô lệ của con người – con đường thử thách của văn hóa Việt Nam* –Tu thư Đại học Vạn Hạnh. 1969, tb 1970; (5) *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa* (dịch); (6) *Sách dạy Pali*; (7) *Dàn bài Kinh Trung bộ* (chưa in); (8) *Toát yếu Kinh Trường bộ* (chưa in); (9) *Toát yếu Kinh Trung bộ* (chưa in); (10) *Chữ Hiếu trong đạo Phật* (đồng tác giả); (11) *Hành thiền*; (12) *Lịch sử Đức Phật Thích Ca*; (13) *Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi*; (14) *Chánh pháp và hạnh phúc*; (15) *Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người* (2002); (16) *Những mẫu chuyện đạo* (2004); (17) *Đức Phật - nhà đại giáo dục* (2004); (18) *Đức Phật của chúng ta* (2005); (19) *Tâm Từ mở ra, khổ đau khép lại* (2006); (20) *Những gì Đức Phật đã dạy* (2007); (21) *Hiếu và hành Chánh pháp* (2008); (22) *Chiến thắng ác ma* (2009).

Dịch thuật kinh tạng Pali sang Việt ngữ: (1) *Trường bộ kinh* (2 tập); (2) *Trung bộ kinh* (3 tập); (3) *Tương ưng bộ kinh* (5 tập); (4) *Tăng chi bộ kinh* (5 tập); (5) *Tiểu bộ kinh*: gồm: *Pháp cú* (Kinh Lời vàng), *Kinh Phật tự thuyết*, *Kinh Phật thuyết như vậy*, *Kinh Tập*, *Trường lão Tăng kệ*, *Trường lão Ni kệ*, *Bốn sanh* (2 tập); *Thắng pháp tập yếu luận* (Abhidhamma Atthasangaha).

Với những trước tác và dịch thuật đồ sộ như trên, Ngài xứng đáng được tôn vinh là một học giả hàng đầu của học giới ở Việt Nam thời hiện đại.

7. Kết luận

Tóm lại, Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục Phật giáo với phương châm “Duy Tuệ Thị Nghiệp” theo tinh thần triết lý nhân bản, dân chủ và khai phóng. Không kể việc Ngài đã giảng dạy và tổ chức giảng thuyết về Phật pháp, chỉ tính riêng việc Ngài đặt nền móng xây dựng và phát triển Viện Đại học Vạn Hạnh từ những ngày đầu non trẻ để trở thành một viện đại học đa ngành, có tiếng trong khu vực và trên thế giới thì đã là một đóng góp rất lớn rồi. Càng đóng góp nhiều hơn khi Ngài là một trong vài người tiên phong góp phần sáng lập Trường Cao cấp Phật học Việt Nam mà sau này là Học viện Phật giáo Việt Nam ở cả ba miền từ chuyên ngành trở thành học viện đa ngành, rồi sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội, Nội san Nghiên cứu Phật học rồi Tạp chí Nghiên cứu Phật học với mục đích xiển dương tư tưởng giáo lý Phật đà phổ biến rộng rãi trong đời sống xã hội. Về trước tác, Ngài đã cho xuất bản 05 đầu sách Anh ngữ, 22 đầu sách Việt ngữ, dịch 24 tập kinh tạng Pali sang Việt ngữ, mà việc Đại tạng kinh này Ngài là người tiên phong ở nước ta. Đây là một thành tựu lớn mà không phải bất kỳ nhà nghiên cứu nào cũng có thể đạt được. Với những đóng góp đó, Ngài rất xứng đáng được tôn vinh là bậc tòng lâm thạch trụ

của giáo hội Phật giáo Việt Nam thời hiện đại và là nhà giáo dục - văn hóa tư tưởng lớn của Việt Nam thế kỷ XX.

Tác giả: PGS.**TS. Nguyễn Công Lý**

GVCC Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Tp.HCM

Mùa Vu lan Giáp Thìn 2024

Nguồn: **Nguyệt san Giác Ngộ, số 342 (tháng 9-2024)**

Tạp chí Mặt Trận, UBMTTQVN, số tháng 11-2024

Chú thích

[1] Đế hệ thi là bài thơ dùng để đặt tên cho các thế hệ hoàng nam của triều nhà Nguyễn dưới đời vua Minh Mệnh, bắt đầu là chữ ‘Miên’ tức vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông). Bài thơ như sau: “Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh, Bảo Quý Định Long Trường, Hiền Năng Kham Khế Thuật, Kế Thoại Quốc Gia Xương”.

[2] Chức vụ này tương ứng với chức Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo hiện nay là quản lý, trông coi việc học tập, giáo dục trong tỉnh, nhưng khác với hiện nay ở chỗ, ngày xưa quan Đốc học còn phải trực tiếp giảng dạy tại trường Đốc. Về trường công lập trong tỉnh, dưới trường Đốc còn có trường Giáo (trường của các phủ do quan Giáo thụ đảm nhiệm), trường Huấn (trường của các huyện do quan Huấn đạo đảm nhiệm), tại các tổng, xã, nhiều nơi chính quyền địa phương còn lập nhà Xã học mời thầy về dạy học cho con em trong tổng, xã, kinh phí do địa phương lo liệu và trường tư của các thầy đồ mở trong tỉnh; Ngoài việc trực tiếp giảng dạy tại trường Đốc, hàng tháng quan Đốc học còn tổ chức bình văn, tập văn tại trường. Những kỳ bình văn, tập văn này đã quy tụ nhiều học sinh của trường Giáo, trường Huấn và các trường tư đến dự, nhằm mục đích rèn văn, tập viết các thể văn trường thi, nắm các thể thức quy chế chi, và hàng năm thường tổ chức kỳ thi Khảo hạch, Khảo khóa để chuẩn bị cho thí sinh đi thi Hương trong tương lai. Việc quan Đốc học tổ chức các kỳ thi Khảo hạch, Khảo khóa nhằm mục đích xét trình độ năng lực của học sinh hàng năm. Những học sinh nào vượt qua kỳ Khảo khóa, thì đủ điều kiện để làm hồ sơ đi thi Hương do triều đình tổ chức (Bộ Lễ đảm nhận) theo từng vùng (thường là 3 năm tổ chức một lần vào các năm Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu). Trong kỳ thi Hương, quan Đốc học phải có nhiệm vụ đến tận cửa trường thi để phát Quyển thi cho các sĩ tử là thí sinh của tỉnh do mình phụ trách, sau khi nghe loa xướng danh gọi các sĩ tử đi vào trường thi cầm lều chống và chuẩn bị các thứ cần thiết để sau đó tiến hành làm bài thi sau khi

có hiệu lệnh của quan trường thi. (Xin xem: Nguyễn Công Lý, *Giáo dục - Khoa cử và Quan chế ở Việt Nam thời phong kiến, thời Pháp thuộc*, Nxb ĐHQG TP. HCM, 2011).

[3] Chúng tôi lấy số liệu từ hồ sơ lưu trữ tại Thư viện Thiền viện Vạn Hạnh (Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam), số 750 đường Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. HCM.

[4] Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam cộng hòa: *Chính sách văn hóa giáo dục*. Sài Gòn. 1972.

[5] Những trích dẫn để trong dấu “..” ở đoạn văn này được trích từ tiểu luận “Sự thất bại của giáo dục hiện tại”, trong sách “Trước sự nô lệ của con người”. Nha Tu thư và Sưu khảo Viện Đại học Vạn Hạnh ấn hành, bản in lần thứ hai 1970, trang 285- 293.